

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **88/2026/HS-ST**
Ngày: 19/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Hiếu

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Duy Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 52/2026/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1003/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành P, sinh ngày 06/05/1999 tại tỉnh Gia Lai; CCCD số: 064099004573; Nơi đăng ký thường trú: Làng Brò, xã C, tỉnh Gia Lai; Nơi ở: Số F T, phường H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh V và bà Phan Thị H; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/5/2020, bị UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng cũ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép theo Quyết định số: 186/QĐ-UBND.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 08/8/2025. Có mặt.

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Đình H1, sinh năm 1974; Nơi đăng ký thường trú: Tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở: 16 Đ, phường L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Chu Văn H2, sinh năm 1990; Trú tại: số G N, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1981; Trú tại: C Đ, tổ E, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1977; Trú tại: K L, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Lê Hoàng L, sinh năm 2005; Trú tại: F T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

+ Ông Trương Văn N1, sinh năm 1966; Trú tại: thôn C, xã L, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6/2025, Nguyễn Thành P hay mua hàng trên tiktok nên quen biết với ông Nguyễn Đình H1 (là người bán hàng trên nền tảng này). Qua trò chuyện, mặc dù bản thân P là lao động phổ thông nhưng P giới thiệu mình là cán bộ đang công tác ở Bộ C, được điều động để truy quét tội phạm ma túy trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. P biết ông H1 có cho thuê phòng trọ tại số F T, phường H, thành phố Đà Nẵng nên P liên hệ và được ông H1 đồng ý cho thuê phòng trọ tại địa chỉ nêu trên. Để tạo vỏ bọc là cán bộ Công an nên ngày 09/7/2025, P đặt mua trên mạng xã hội facebook (không nhớ tên facebook người bán) mua 01 bộ trang phục lực lượng An ninh nhân dân, 01 cặp ve, 01 cặp quân hàm Đại úy, 01 đôi giày, 01 mũ kê - pi với giá 950.000 đồng để sử dụng. Đồng thời, P lấy tên Nguyễn Trần Đại A, cấp bậc Đại úy để tạo lòng tin cho ông H1.

Sau đó, P biết được ông H1 đang tranh chấp vụ kiện dân sự với anh Trương Tấn T1 (sinh năm: 1993, trú tại: Tổ D, phường H, TP .) số tiền 1.215.000.000 đồng. Ông H1 nói với P muốn chuyển vụ kiện dân sự này thành vụ án hình sự để đòi lại tiền và nhờ P giúp. P nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông H1 nên P đồng ý. Ngày 23/7/2025, P nói ông H1 cung cấp hồ sơ vụ kiện dân sự và số tiền 10.000.000 đồng bỏ vào phong bì đưa P để đi lo tiền trả nước cho người giúp đỡ. Ông H1 đưa hồ sơ và 10.000.000 đồng cho P. Tiếp đó, P lập nhóm Z có tên “Án LC107TD” gồm 03 tài khoản zalo gồm: tài khoản tên “Quản Anđt” (được lập từ số điện thoại 0335329105 của P), tài khoản tên “Nguyễn Hoàng T2” (được lập từ số điện thoại 0377122531 của P) và tài khoản zalo của ông H1. Sau khi lập nhóm, P tạo vỏ bọc người dùng tài khoản zalo tên “Nguyễn Hoàng T2” là “Sếp” của P để nhắn tin vào nhóm đồng ý giúp ông H1 với chi phí 15%-20% trên tổng số tiền 1.215.000.000 đồng thì ông H1 đồng ý. Đến ngày 26/7/2025, P soạn mẫu đơn tố cáo rồi đưa cho ông H1 để viết nội dung tố cáo rồi đưa lại cho P. Ngày 28/7/2025, P dùng tài khoản zalo tên “Nguyễn Hoàng T2” nhắn tin cho ông H1 đề nghị chuẩn

bị số tiền 130.000.000 đồng để đưa cho “A” (tức là P), sau đó “A sẽ mang số tiền này xuống đưa cho “Nguyễn Hoàng T2” để xử lý việc thì ông H1 đồng ý đưa số tiền 130.000.000 đồng cho P. Ngày 31/7/2025, P nhắn tin cho ông H1 đưa tiếp số tiền 20.000.000 đồng cho P thì ông H1 đồng ý đưa cho P 20.000.000 đồng. Để tiếp tục tạo lòng tin, P nói với ông H1 là Trương Tấn T1 còn tài sản là thửa đất nên có thể cưỡng chế để trả lại tiền lại cho ông H1. Phúc soạn các quyết định kê biên, cưỡng chế, xử lý, thu hồi tài sản của Cơ quan Công an đối với tài sản của Trương Tấn T1 để trả cho ông H1. P đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trương Tấn T1 với ý định sử dụng để tiếp tục lừa ông H1 nhưng chưa nhận được. Ngày 04/8/2025, P tiếp tục dùng tài khoản zalo tên “Nguyễn Hoàng T2” nhắn tin cho ông H1 đề nghị chuẩn bị 03 phong bì cụ thể: tối ngày 04/8/2025 số tiền 20.000.000 đồng, chiều ngày 05/8/2025, số tiền 150.000.000 đồng, ngày 12/8/2025 số tiền 180.000.000 đồng thì vụ việc sẽ được xử lý xong. Sau đó, ông H1 đến phòng trọ của P để đưa tiền. Do ông H1 không có tiền mặt nên P gọi điện nhờ Trương Vĩnh N2 (sinh năm: 1996, trú thôn C, xã L, thành phố H, là lái xe G) xin số tài khoản ngân hàng của N2 rồi nhắn cho ông H1 chuyển tiền và nhờ N2 rút tiền đem về đưa cho P thì N2 đồng ý giúp. Sau khi nhận số tiền 20.000.000 đồng từ tài khoản của ông H1 thì N2 rút tiền mặt rồi đưa 20.000.000 đồng cho P. Đến ngày 05/8/2025, ông H1 nghi ngờ bị P lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên đến Công an phường H trình báo sự việc. Số tiền chiếm đoạt, P dùng để tiêu xài cá nhân và mua 01 xe mô tô BKS 43AC-07798 số tiền 90.000.000 đồng tại cửa hàng X (số A-&104/4 L, phường T, TP .) do chị Trần Thị Thanh N (sinh năm: 1977, làm chủ). Số tiền còn lại 13.000.000 đồng, P giao nộp Cơ quan điều tra.

Ngoài thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên, P còn thực hiện hành vi phạm tội cụ thể như sau: Khoảng tháng 3/2025, Nguyễn Thành P nhiều lần mượn tiền của anh Chu Văn H2 với tổng số tiền 450.000.000 đồng. Do nợ nần và cần tiền tiêu xài cá nhân nên P tiếp tục mượn tiền nhưng anh H2 không đồng ý, yêu cầu P phải có người bảo lãnh và có tài sản đảm bảo thì anh H2 cho P mượn tiền. Lúc này, P nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh H2. P liên hệ một người sử dụng tài khoản zalo “Thành Trung” để đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Huỳnh Tấn T (sinh năm: 1981, trú tại: số C Đ, tổ E, phường H, thành phố Đà Nẵng – người làm chung quán cà phê với P) với giá 3.500.000 đồng. P đưa ra yêu cầu, trao đổi, cung cấp thông tin, hình ảnh căn cước công dân của anh Huỳnh Tấn T (do P trước đó chụp được) và yêu cầu người làm giả chuyển file ảnh bản demo là bản hoàn thiện của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho P để kiểm tra. Sau khi Phúc kiểm T3 chuyển lại thì người làm giả hoàn thiện bản làm giả là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: DN 357755 đứng tên Huỳnh Tấn T, thửa đất số 89, tờ bản đồ số 32 diện tích 1227m² đất trồng cây hàng năm, hạn sử dụng đến tháng 10/2065 tọa lạc tại số C Đ, tổ E, phường H, quận L, TP ., do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ cấp ngày 20/8/2018. P chuyển tiền qua số tài khoản 42849887 Ngân hàng A1 do Nguyễn Thành T4 (sinh năm: 1991, trú tại: ấp V, xã H, TP Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu với số tiền 3.500.000 đồng. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này, P chụp hình rồi gửi cho anh H2 nói giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T, anh T cho P mượn làm tài sản đảm bảo và bảo lãnh cho P mượn tiền của anh H2. Sau đó, P mua 01 sim “rác” (không nhớ số thuê bao) lập tài khoản zalo tên “JT”, rồi P gửi danh thiếp zalo “JT” cho anh H2 mạo danh là tài khoản zalo của anh T để anh H2 tin tưởng xác nhận việc anh T đồng ý bảo lãnh cho P vay tiền nên anh Hiệp đồng Ý cho P mượn tiền. Ngày 17/4/2025 tại quán cà phê trên đường H, phường H, thành phố Đà Nẵng, anh H2 cho P mượn thêm 150.000.000 đồng, cộng với số tiền 450.000.000 đồng P nợ trước đó, P viết giấy mượn tiền của anh H2 600.000.000 đồng rồi P đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho anh H2. Sau khi nhận tiền, P sử dụng để tiêu xài cá nhân và trả nợ hết. Khoảng 03 ngày sau, anh H2 xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nghi ngờ là giả nên gặp P để nói chuyện thì P thừa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là giả, đồng thời P thừa nhận đã lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh H2, rồi xin anh đừng tố cáo và nói đang khó khăn, nợ nần, xin được trả dần thì anh Hiệp đồng Ý. Sau đó, lo sợ anh H2 sẽ tố cáo hành vi của mình, P vài lần trả tiền cho anh H2 tổng cộng 150.000.000 đồng. Khoảng hai tháng sau, P không tiếp tục trả tiền, trốn tránh anh H2, anh H2 đến gặp thì P nói đã mất khả năng chi trả, đề nghị được chuyển nhượng lại 50% cổ phần vốn góp của P trong quán cà phê (chung với anh Huỳnh Tấn T) trị giá 250.000.000 đồng để trừ nợ thì anh Hiệp đồng Ý nhận cổ phần này rồi bán lại cho anh T số tiền 250.000.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh H2 đã làm thất lạc nên không thu hồi được.

Ngoài thuê làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, P còn đặt làm giả 01 giấy đăng ký kinh doanh quán cà phê, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Trương Tấn T1 nhưng P không nhận và không sử dụng hai giấy tờ này nên không thu giữ được. Số tiền chiếm đoạt của anh H2 150.000.000 đồng, P sử dụng để trả các khoản nợ cá nhân nhưng không nhớ trả nợ cho ai, số tiền trả nợ cụ thể là bao nhiêu, sử dụng để chi tiêu ăn uống, sinh hoạt, tiêu xài cá nhân. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thành P tại số F T, phường H, TP ., Cơ quan điều tra tạm giữ 01 mũ kê pi.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thành P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Ngày 12/12/2025, Văn phòng Đ có Công văn số 3164/VPĐK-TTLT xác định:

“1. Đối với Giấy chứng nhận số DN 357755, tên người sử dụng đất: Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm: 1981, CCCD số: 049081009875, địa chỉ thường trú: C Đ, tổ E, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Thông tin về thửa đất như sau: Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: C Đ, tổ E, phường H, quận L, TP Đà Nẵng; Diện tích: 1227m²; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: Đến tháng 10/2065; Nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất hiện không có tên trong danh sách được cấp Giấy chứng nhận theo Luật Đất đai 2003, Luật Đất đai 2013, Luật Đất đai 2024 và đăng ký biến động chuyển quyền sau khi cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn Khu vực V.

2. Qua kiểm tra bản đồ thì phường H, quận L không có tờ bản đồ số 32...”

Vật chứng tạm giữ:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 43AC – 077.98; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy; số: 43 015992, tên chủ xe: Nguyễn Lê Hoàng L, địa chỉ: F T, H, Đà Nẵng, biển số đăng ký: 43AC - 077.98.

- 01 Hợp đồng mua bán xe máy của cửa hàng X, địa chỉ: A V L, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng

- 02 chìa khóa xe, trên mỗi chìa khóa có chữ Honda.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, số IMEL: 356734084858277.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu bạc, số IMEL: 35 8879680243453.

- 01 bộ đồ quân phục An ninh nhân dân gồm: 01 áo ngắn tay (xuân hè) và 01 quần dài; 01 bộ quân hàm C (gồm 02 hàm và 02 ve); 01 đôi giày màu đen, trên giày có chữ CCNAN-BCA và 01 đôi tất màu xanh.

- 05 Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số: 126/45/QĐ-CTHADS ngày 03/08/2025; 01 đơn tố cáo tên người tố cáo Nguyễn Đình H1 ngày 26/7/2025; 01 tập tài liệu hồ sơ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

- 01 mũ Kê – pi, loại mũ An ninh nhân dân, cỡ mũ: 57.

- Số tiền 13.000.000 đồng

- 01 thẻ ATM ngân hàng T6, số thẻ: 9704079950626022 mang tên: NGUYEN THANH PHUC.

Xử lý vật chứng:

Đối với 05 Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số: 126/45/QĐ-CTHADS ngày 03/08/2025; 01 đơn tố cáo tên người tố cáo Nguyễn Đình H1 ngày 26/7/2025; 01 tập tài liệu hồ sơ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản hiện đang quy trở trong hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 13.000.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Đình H1.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS-KV4 ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành P về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như Cáo trạng đã đề cập, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành P phạm các tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* và *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”*, đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo tù 08 năm đến 09 năm tù; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo tù 02 năm đến 03 năm tù. Đề nghị áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Về vấn đề dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Đình H1 số tiền 167.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục quy trở trong hồ sơ vụ án đối với 05 Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số: 126/45/QĐ-CTHADS ngày 03/08/2025; 01 đơn tố cáo tên người tố cáo Nguyễn Đình H1 ngày 26/7/2025; 01 tập tài liệu hồ sơ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; 01 Hợp đồng mua bán xe máy. Tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 43AC – 077.98; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy; số: 43 015992; 02 chìa khóa xe, trên mỗi chìa khóa có chữ Honda. Tịch thu, sung ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, số IMEL: 356734084858277 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu bạc, số IMEL: 35 8879680243453 của bị cáo. Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 bộ đồ quân phục An ninh nhân dân gồm: 01 áo ngắn tay (xuân hè) và 01 quần dài; 01 bộ quần hàm C (gồm 02 hàm và 02 ve); 01 đôi giày màu đen, trên giày có chữ CCNAN-BCA và 01 đôi tất màu xanh; 01 mũ Kê – pi, loại mũ An ninh nhân dân. Trả lại cho bị cáo 01 thẻ ATM ngân hàng T6, số thẻ: 9704079950626022 mang tên: NGUYEN THANH PHUC.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thành P đã khai nhận diễn biến vụ án đúng như cáo trạng đã đề cập. Bị cáo không có ý kiến gì về mặt tội danh cũng như điều luật mà đại diện Viện kiểm sát truy tố và đề nghị áp dụng, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Chu Văn H2 không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự. Bị hại Nguyễn Đình H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 167.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Tháng 4 năm 2025, Nguyễn Thành P có hành vi thuê một người sử dụng tài khoản zalo “Thành Trung” làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: DN 357755 mang tên Huỳnh Tấn T, thửa đất số 89, tờ bản đồ số 32 diện tích 1227m² đất trồng cây hàng năm, hạn sử dụng đến tháng 10/2065 tọa lạc tại số C Đ, tổ E, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ cấp ngày 20/8/2018 với giá 3.500.000 đồng. Ngày 17/4/2025 tại quán cà phê trên đường H thuộc phường H, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Thành P sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả này giao cho anh Chu Văn H2 để bảo đảm rồi chiếm đoạt của anh Chu Văn H2 số tiền 150.000.000 đồng. Từ ngày 23/7/2025 đến ngày 04/8/2025, trên địa bàn phường H, thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Thành P dùng thủ đoạn gian dối giả danh là cán bộ Công an hứa hẹn giúp ông Nguyễn Đình H1 đòi tiền của anh Trương Tấn T1 rồi 04 lần chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Đình H1, cụ thể: Ngày 23/7/2025 chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng, ngày 28/7/2025 chiếm đoạt số tiền 130.000.000 đồng, ngày 31/7/2025 chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng, ngày 04/8/2025 chiếm đoạt số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền mà Nguyễn Thành P chiếm đoạt của anh Chu Văn H2 và ông Nguyễn Đình H1 là 330.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thành P đã đủ yếu tố cấu thành các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy

định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng số: 07/CT-VKS-KV4 ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, đối với việc Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử xét thấy: Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định về Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; T5 sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là hai tội danh độc lập trong cùng một điều luật. Trường hợp của bị cáo Nguyễn Thành P thì bị cáo không phải là người trực tiếp làm giả mà là thuê người khác làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất sau đó sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Chu Văn H2 nên chỉ phạm Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo tội danh ghép là “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và đề nghị hình phạt cho một tội danh như vậy là không đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản 05 lần và lấy khoản lợi bất chính thu được từ việc phạm tội làm nguồn thu nhập nên phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” và “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tuy nhiên xét thấy, sau khi phạm tội bị cáo đã trả lại số tiền chiếm đoạt 150.000.000 đồng cho bị hại Chu Văn H2; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

[4] Xét hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan nhà nước trong quản lý hành chính, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an của xã hội; bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt vi phạm hành

chính; do đó cần thiết xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài để nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo phạm hai tội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của ông Nguyễn Đình H1 số tiền 180.000.000 đồng, đã nhận lại số tiền 13.000.000 đồng. Nay ông H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 167.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu bồi thường của bị hại Nguyễn Đình H1 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Bị hại Chu Văn H2 đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt 150.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là: $167.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.350.000 \text{ đồng}$.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 05 Quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số: 126/45/QĐ-CTHADS ngày 03/08/2025; 01 đơn tố cáo tên người tố cáo Nguyễn Đình H1 ngày 26/7/2025; 01 tập tài liệu hồ sơ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; 01 Hợp đồng mua bán xe máy cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án đảm bảo cho việc xét xử và lưu trữ.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 43AC – 077.98; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 43 015992; 02 chìa khóa xe, trên mỗi chìa khóa có chữ Honda. Xe mô tô nói trên là do bị cáo dùng tiền chiếm đoạt được của bị hại Nguyễn Đình H1 để mua tại cửa hàng xe máy Thế Mẫn nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án bồi thường cho ông Nguyễn Đình H1.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, số IMEL: 356734084858277 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu bạc, số IMEL: 35 8879680243453 bị cáo dùng thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 bộ đồ quân phục An ninh nhân dân gồm: 01 áo ngắn tay (xuân hè) và 01 quần dài; 01 bộ quần hàm C (gồm 02 hàm và 02 ve); 01 đôi giày màu đen, trên giày có chữ CCNAN-BCA và 01 đôi tất màu xanh; 01 mũ Kê – pi, loại mũ An ninh nhân dân, cỡ mũ: 57; 01 thẻ ATM ngân hàng T6, số thẻ: 9704079950626022 mang tên: NGUYEN THANH PHUC không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về các vấn đề có liên quan đến vụ án: Đối với người dùng tài khoản zalo “Thành Trung” và số tài khoản số 42849887 ngân hàng A1 do Nguyễn Thành T4 đứng tên chủ sở hữu mà Nguyễn Thành P khai nhận là người mà P trao đổi thuê làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài khoản nhận tiền từ P. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa làm việc được đối tượng Nguyễn Thành T4. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xử lý sau. Đối với bà Trần Thị Thanh N là chủ cửa hàng xe máy Thế Mẫn bán cho P 01 xe mô tô BKS 43AC-07798 với giá 90.000.000 đồng. Quá trình điều tra xác định khi P mua xe mô tô này thì bà N không biết được tiền mua xe do P chiếm đoạt mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Đối với Trương Văn Nghĩa là người được P xin số tài khoản để ông H1 chuyển số tiền 20.000.000 đồng rồi nhờ N2 rút tiền mặt đưa cho P. Quá trình điều tra N2 không biết được P chiếm đoạt số tiền này của ông H1. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

1. Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành P **08 (tám)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ: điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành P **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng: Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Thành P phải chấp hành là **11 (mười một)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt, tạm giam ngày 08/8/2025.

2. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Thành P 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành P bồi thường cho ông Nguyễn Đình H1 số tiền 167.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với

số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

4.1. Tuyên tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 (một) bộ đồ quân phục An ninh nhân dân, gồm 01 áo ngắn tay (xuân hè) và 01 quần dài; 01 (một) bộ C, gồm 02 hàm và 02 ve; 01 đôi giày màu đen, trên giày có chữ CCNAN-BCA và 01 đôi tất màu xanh; 01 mũ Kê – pi, loại mũ An ninh nhân dân, cỡ mũ: 57; 01 thẻ ATM ngân hàng T6, số thẻ: 9704079950626022 mang tên: NGUYEN THANH PHUC.

4.2. Tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu hồng, số IMEL: 356734084858277 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu bạc, số IMEL: 35 8879680243453 của bị cáo Nguyễn Thành P.

4.3. Tiếp tục tạm giữ: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 43AC – 077.98; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 43 015992; 02 chìa khóa xe, trên mỗi chìa khóa có chữ Honda của bị cáo Nguyễn Thành P để đảm bảo thi hành án bồi thường cho ông Nguyễn Đình H1.

(Các vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/3/2026).

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thành P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.350.000 đồng (tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND khu vực 4 – Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 4 - Đà Nẵng;
- Phân trại tạm giam Hòa Khánh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Anh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa